TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/HN-ST
Ngày: 22/02/2018
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Rẻn

Các Hội thẩm nhân dân:

1 Ông Nguyễn Công Trung.

2 Bà Hà Thị Dung.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Kim Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri – Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre: Bà Nguyễn Thị Diễm – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 02 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 590/2017/TLST-HN ngày 20/12/2017 về việc "*Xin ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐST - HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đinh Ngọc N, sinh năm 1987; Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1990; Địa chỉ: ấp D, xã E, huyện C, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 12 năm 2017, trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Đinh Ngọc N trình bày:

Anh N và chị Nguyễn Thị Hồng H kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Hòa Tây, huyện Ba Tri vào ngày 16 tháng 6 năm 2017. Hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, không có sự ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 2 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng là do trước khi cưới nhau anh N, chị H đều có một lần ly hôn và mỗi người đều có 01 đứa con riêng. Con riêng của anh N sống cùng mẹ ruột, thỉnh thoảng anh N có đến thăm. Những lần anh N đến thăm con riêng thì chị H kiếm chuyện, cho rằng anh N còn tình cảm với vợ cũ, nên quan tâm và mang tiền đến chăm lo cho vợ cũ và con riêng dẫn đến vợ chồng tranh cãi, bất hòa. Anh N cho rằng bởi chị H không tin tưởng anh N về vấn đề tình cảm, tiền bạc, thường xuyên ghen tuông vô cớ từ đó mâu thuẫn vợ chồng không thể cải thiện và anh N đã sống ly thân với chị H từ tháng 6 năm 2017 đến nay. Thời gian sống ly thân đôi bên có gặp gỡ nhưng chị H vẫn bảo thủ quan điểm, không thay đổi cách xử sự nên vợ chồng không thể sống cùng nhau. Anh N khẳng định rằng hôn nhân giữa anh và chị H là không có khả

năng hàn gắn để có thể chung sống hạnh phúc, anh không còn tình cảm với chị H nên yêu cầu Tòa án cho anh được ly hôn với chị H.

Trong quá trình chung sống giữa anh N và chị H có 01 con chung tên Đinh Ngọc Thiên Â, sinh ngày 12/12/2016, hiện cháu Â đang sống cùng chị H, khi ly hôn anh N đồng ý để chị H được tiếp tục nuôi con chung, anh N đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật. Tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 02/01/2018 biên bản hòa giải ngày 22/01/2018 chị Nguyễn Thị Hồng H cho rằng lời trình bày của anh N về quá trình xây dựng hôn nhân giữa anh N và chị H là đúng nhưng nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là không đúng. Cụ thể nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng giữa anh N và chị H là do anh N có tình cảm và quay về sống, chăm lo cho vợ cũ và con riêng, chị H khuyên ngăn thì anh N không chấp nhận, không chịu chấm dứt việc quay về sống cùng vợ cũ. Mâu thuẫn vợ chồng chị H, anh N đã bắt đầu phát sinh từ khi chị H mang thai khoảng 05 tháng, nhưng vì thương anh N nên chị H chỉ khuyên ngăn anh chấm dứt với vợ cũ để quay về xây dựng hạnh phúc cùng chị nhưng anh N không thay đổi. Từ tháng 6/2017 đến nay anh N không sống cùng chị H và anh làm đơn xin ly hôn chị H. Chị H cho rằng chị không có cách làm anh N thay đổi quan điểm, cũng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh N nhưng chị không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên nếu tòa chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh N thì chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Đinh Ngọc Thiên Â, sinh ngày 12/12/2016, còn việc anh N có cấp dưỡng nuôi con hay không là tùy quyền quyết định của anh N chị không có yêu cầu. Tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, xét thấy trong quá trình tố tụng, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự và chấp hành nghiêm nội quy phiên tòa. Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do; Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa anh N, chị H đã tồn tại mâu thuẫn trầm trọng, hai bên không thể hàn gắn để tiếp tục cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của anh N là có căn cứ phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Để đảm bảo cho cuộc sống sinh hoạt của con chung đề nghị Tòa áp dụng các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận giao con chung cho chị H nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh N về việc anh N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 650.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục: Chị Nguyễn Thị Hồng H được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Anh Đinh Ngọc N và chị Nguyễn Thị Hồng H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre ngày 16 tháng 6 năm 2017 nên quan hệ hôn nhân giữa anh N, chị H là hợp pháp.

Sau khi kết hôn anh N, chị H sống hạnh phúc khoảng một năm thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, anh N, chị H đã sống ly thân từ tháng 6/2017 đến nay. Thời gian sống ly thân, hai bên có gặp gỡ nhưng không thể hàn gắn tình cảm. Căn cứ vào lời trình bày không thống nhất của anh N, chị H đã phản ánh cuộc sống giữa anh N, chị H tồn tại mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do đôi bên thiếu sự tin tưởng, thông cảm, yêu thương lẫn nhau, thời gian sống ly thân hai bên cũng không có thiện chí, biện pháp hàn gắn tình cảm. Hiện nay anh N cho rằng tình cảm với chị H không còn, kiên quyết giữ quan điểm xin ly hôn với chị H. Chị H cho rằng không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có biện pháp hàn gắn tình cảm. Lời trình bày của anh N, chị H cũng phù hợp với biên bản xác minh ngày 15/01/2018 của Tòa án về tình trạng hôn nhân của anh N, chị H đã tồn tại mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xét thấy yêu cầu xin ly hôn của anh N với chị H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Xét ý kiến của anh N, chị H về việc chị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Đinh Ngọc Thiên Â, sinh ngày 12/12/2016 cho đến khi cháu Â tròn 18 tuổi, anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật mỗi tháng 650.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của anh N, chị H, đảm bảo được quyền lợi của con chung, đồng thời cũng phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về tài sản chung: Không có nên nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5]. Nợ chung: không có nên nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6]. Xét quan điểm đề nghị về nội dung giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri là cùng quan điểm nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung anh Đinh Ngọc N phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận cho anh Đinh Ngọc N ly hôn chị Nguyễn Thị Hồng H.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Hồng H tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đinh Ngọc Thiên Â, sinh ngày 12/12/2016 cho đến khi cháu Â tròn 18 tuổi.

Anh Đinh Ngọc N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Â mỗi tháng 650.000 đồng cho đến khi cháu Â tròn 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung được tính bắt đầu từ ngày 22/02/2018.

Anh Đinh Ngọc N có quyền thăm nom con chung. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Anh Đinh Ngọc N phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con chung. Số tiền án phí phải nộp anh N được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0014468 ngày 15/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, sau khi khấu trừ anh N còn phải nộp tiếp số tiền án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi bị đơn cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Rẻn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện C;
-Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ.